

Văn hóa và Việt đạo

Nguyễn Việt An

Văn hóa được học giả Đông Tây định nghĩa nhiều lối, nhưng, gom lại với nghĩa: "mọi sinh hoạt của một dân tộc, từ quá khứ, hiện tại tới tương lai". Tất cả mọi sinh hoạt nó được hướng dẫn bởi cái gốc là một nền triết lý hay một "Đạo" mà người Việt mình gọi Việt Đạo!

I Đi Tìm Việt Đạo:

Người Việt ta đối với Nho Giáo rất quan trọng. Mấy ngàn năm ông cha ta đã theo Nho Giáo, cho tới thế kỷ 20 mới đả kích Nho Giáo, nhưng chưa đưa ra được chủ đạo nào thay thế. Sự đả phá đứng trên căn bản Tây Phương, tiếp đó là Cộng Sản. Nay thì thấy rõ chủ nghĩa Cộng Sản không thể nào hợp với dân tộc, với nước ta được, mà còn đưa dân tộc đất nước tới bờ vực phá sản như ngày nay!

Vậy, chúng ta phải có chủ đạo nào? Câu trả lời mà mọi người mong ước là Đạo Việt. Nhưng thế nào là Đạo Việt? Mới có câu trả lời cỡ văn học, chứ chưa có cỡ triết học. Hay nói cách khác, Đạo Học là nền tảng của văn hóa dân tộc đã suy vị. Nhưng các triều đại, các chế độ cận kim không đặt thành vấn đề quan trọng để cù vấn. Do đó những vấn đề quan trọng chưa được đặt ra, thí dụ: tại sao lại đả phá Nho Giáo, vì đó cũng là đả phá cái mà hơn hai ngàn năm ông cha ta theo học. Tinh thần Việt là gì? Dân tộc tính là gì? Chưa trả lời rành mạch vì chưa có triết Việt nên không thể xét những vấn đề đó cách thấu triệt. (Vì Triết là Triệt là đi tới triệt cùng, triệt để một vấn đề).

Không thấu triệt nên từ cuối thế kỷ 19 nước ta sống trong sự giằng co lơ mơ. Các cụ theo Nho thì không làm sao bênh vực cách triệt để. Phái tân học thấy Tây mới là theo. Nhưng cũng chẳng biết nền móng văn hóa Tây là gì! (Nếu biết thì chắc chắn không dám theo). Rồi tinh thần dân tộc có khác Nho chăng? Khác ở chỗ nào? Chính vì muốn tìm ra manh mối và giải đáp những vấn nạn trên nên có chủ thuyết Nho Giáo phát nguyên từ Việt Tộc, Tàu chỉ công thức hóa mà thôi, có tên là Việt Nhọ. Từ khi chủ thuyết Việt Nho và An Vi ra đời qua hơn 40 cuốn sách của Triết Gia Kim Định, thì người công nhận cũng nhiều, người đả kích cũng lắm. Nhưng nói chung chỉ đả kích chủ trương (do thân Tàu, thân Tây hay thân Cộng) chứ chưa đưa ra lý chứng, tức chưa đả kích theo cách khoa học và có lý chứng!

II Cơ Cấu Nho Giáo:

Ai cũng rõ muốn tìm hiểu thấu triệt một nền văn hóa hay đạo lý là khó khăn vì nó liên liên can đến những vấn đề rất nhiều khế và phức tạp nên phải áp dụng nghiêm chỉnh ngoài luật môi sinh tinh thần còn phải qua ít nhất 5 bước là Từ, Tượng, Số, Chế và Ý. Muốn lọt qua 5 cửa này, thì ngoài khảo cổ còn phải đọc nhiều về xã hội học, phong tục học, uyên tâm, cơ cấu luận và nhất là triết mới. Tới đây sẽ có câu hỏi: cơ cấu Nho Giáo là gì?

Cơ cấu Nho Giáo gồm ba số: 2 - 3 - 5. Số 2 cho toàn diện (cả Âm lẫn Dương), số 3 là Nhân Chủ, số 5 cho Tâm Linh. Không một chân lý nào của Nho thoát ra khỏi ba tiền đề kia. Nói cách khác, theo xưa thì Nho Giáo y cứ trên Kinh Dịch, mà kinh dịch thành bởi Âm Dương, Tam Tài, Ngũ Hành.

Âm dương là số 2, Tam Tài là số 3 và Ngũ hành là số 5. Đó là những số rất quan trọng cần dựa vào để tìm kiếm như Thuyết Quái I nói: Tham Thiên Lưỡng Địa nhi ỷ số. Sách nói vậy thì mọi người cũng học vậy. Nhưng suốt chiều dài 25 thế kỷ Hán Nho đã ai chịu nghiên cứu các con số đó đâu! Nếu có thì chỉ dùng theo lối Tại Dị Pháp Môn mà không ai dùng cơ cấu luận, thì làm sao nhìn ra cốt tủy của Nhọ?

Tới đây cũng cần mở đầu ngoặc để lướt qua về Cơ Cấu Luận do Levi Strauss sáng lập. Theo ông thì muốn tìm hiểu nguồn gốc văn hóa của bất cứ chủng tộc nào Đông hay Tây đều phải dùng cơ cấu luận. Thí dụ: Tây Âu có con số 4-1 chuyên về Hữu thể, Ấn Độ có con số 1-4 chuyên về Vô thể. Nguyên lý cơ cấu luận cũng được học giả Granet tán đồng. Cơ cấu luận đã có thời nổi lên như một phong trào. Nhưng sau lịm dần vì các ông không nhảy qua được từ Có sang Không.

Hai ông Levi Strauss và Granet đã giúp cho cụ Kim Định chú ý tới các con số trong Nho và nhân đó Cụ đã đi thêm được mấy bước nữa gồm Tượng, Số, Chế tức vượt hai ông để đi tới bờ tiềm thức cộng đồng. Đang khi đó hai ông còn vướng mắc ở đột duy lý với tứ tượng trong văn hóa một chiều. Còn cụ Kim Định thì thêm được ba bước trên đều nằm giữa Hữu và Vô mà nhà Phật gọi đó là cõi Lân Hư Lân Hư là không hẳn Có, không hẳn Không mà loài người từ cổ chí kim từ Đông sang Tây chỉ có một chủng nhảy vào được đó là Chủng Việt. Việt với nghĩa là vượt lên trên Có và Không để đạt miền không có, không không. Nhờ đó mà không mất chân đứng ở bên nào. Mấy chục năm suy ngẫm và nhờ cơ cấu luận Triết Gia Kim Định đã tìm ra được tinh hoa Nho giáo nằm trong Ba bộ số: 2 - 3 - 5.

III Nho Giáo Của Ta Hay Của Tàu?

Triết Gia Kim Định đã tìm ra được tinh hoa Nho Giáo nằm trong Ba bộ số 2-3-5, bây giờ chỉ cần hỏi những con số đó phát xuất từ đâu, ở bên Tàu hay bên Việt? Khi tìm ra nơi xuất phát mấy số đó thì cũng là tìm ra nguồn gốc của Nho Bởi vì đó là cơ cấu tức là tinh hoa nền tảng cấu tạo được chỉ định cách rành mạch kiểu toán học, hết lơ mơ bàng bạc!

Hãy khởi công, trước hết là số 2 thì ta gặp nó lu bù ở 2 gạch trong những hòn sỏi Bắc Sơn (các nhà khảo cổ định tuổi Bắc Sơn ở khoảng trên dưới 10 ngàn năm). Các nhà khảo cổ cho đó là bí hiểm (enigmatique). Nhưng khi đặt chúng vào môi sinh tinh thần thì thấy nó biểu thị cho nét song trùng gặp được trong các cổ truyện như Nước Non, Sông Núi, Ông Đùng Bà Đà, Tiên Rồng.. và cuối cùng nó nối kết với cả nét lưỡng hợp (Dual Unit) mà các nhà khoa học cho là nét đặc trưng của Đông Nam Á. Tới số 3 thấy ở những cái chạc tìm thấy trong các cổ mộ ở thời kỳ Đông Sơn (văn minh Đông Sơn ở khoảng trên dưới 3, 4 ngàn năm). Thời kỳ Đông Sơn luôn đi từng bộ ba làm ta nghĩ đến nhà sàn, bàn thờ 3 cấp, 3 chén rượu, thấp 3 nén nhang...

Cuối cùng tới số kép 2 + 3 hợp một thì thấy trong các cổ mộ có 5 viên sỏi, 3 viên mài nhẵn, 2 viên để thô, rồi các bìa thờ tạc 5 con hổ trên 3 dưới 2 ... Sau này thì bộ số 2 - 3 - 5 luôn được lập lại như các đỉnh hương bao giờ cũng 3 chân 2 tai, nhà 3 căn 2 chái, áo mặc 3 cúc dưới nách 2 cúc trên vai, rồi Cây Việt trên 2 giao long, dưới có 3 người đeo lông chim, sách Ước Gậy Thần cũng có số 2 và 3 ẩn trong 2 trang Hỏa và Mộc. Sách Ước và Gậy Thần chính là kinh điển của Việt được minh họa bằng Cây Việt. Vì Sách Ước được Lạc Long Quân ban cho Thần Tản Viên lúc xuống thăm thủy phủ. Sách Ước như lý thuyết, Gậy Thần như thực hiện. Sách có 3 trang, thần đọc được 2 trang Hỏa và Mộc (Hỏa số 2, Mộc số 3) cộng lại là 5 = Số sinh. Gậy Thần thì thêm vào 4 số Thành (6,7,8,9), thế là đầy đủ. Sách Ước Gậy Thần lại được minh họa bằng trống đồng Đông Sơn, cũng xếp theo lối Tiên Rồng. Mặt trống là Tiên (Chim) tang trống là Rồng (thuyền Rồng). Mặt trống thì vòng trong có số 5, vòng ngoài cùng là 4 số 9 thành 36 chim, chỉ 4 chiếc hoa quỳ 9 cánh. Nói hoa quỳ vì tất cả các vòng múa đều tiến theo lối "tả nhậm" tức để trần vai tả hướng vào mặt Trời để chỉ "hoa quỳ chăm chăm hướng về hướng thái dương". Từ đó biến ra cửu lạc, cũng là biến ra 15 bộ nước Văn Lang. Nên nếu có câu hỏi: sự xếp 5 số thành ngũ hành, rồi 9 số thành hồng phạm, cửu trù, hà đồ, lạc thư có phải là công của Tàu chăng? Không hẳn như vậy! Vì nơi Việt đã có các số 2 - 3 - 5 tức đã phải có cơ cấu ngũ hành rồi, không đợi đến Tàu mới bắt đầu xếp, Tàu chỉ đặt tên.

Để minh chứng, ta thử ghé mắt về phía Tàu xem có con số nào không? Chẳng thấy số nào hết. Tính tới cả tộc Thương lẫn tộc Hạ (lối thế kỷ 15 - 16 trước Tây lịch). Xin nói ngay trước nhà Chu không có nhà nào hết. Thời nhà Thương chưa hết thời kỳ bộ lạc, săn hái, di canh và chưa có kinh đô, mới có đại ấp. Tộc Hạ cũng không có dấu vết gì trong bốc tử và nếu có thì văn hóa toàn của Việt. Tộc Thương cũng mẫu hệ và dùng số thứ tự theo số 5: Giáp Ất Bính Đinh ... chỉ có vài trụ lệ tẻ là khác như: tay áo rộng, cỡi ngựa, vật biểu là bạch hổ. Đến đời Hán mới nhận rồng của Việt tộc làm ra long (đọc long vì Tàu không đọc được r). Nhà Hán thời đó nước còn rất nhỏ, chỉ bằng một quận, huyện ngày nay. Mãi tới Tần Thủy Hoàng chiếm được Sở, Ngô, Việt mới to như ngày nay (Sở là Kinh Dương Vương của ta xưa). Đó là địa lý còn văn hóa thì đến đời nhà Chu mới thực có văn hóa Tàu, do giàu có sinh lễ nghĩa, chứ cốt tủy vẫn là Việt Nho, chỉ thêm mấy yếu tố du mục được học giả Creel liệt kê như sau:

1- Chức Thiên Tử

2- Quân đội chuyên nghiệp

3- Luật hình

4- Hoạn quan

5- Đàn áp đàn bà

Về số thì đóng góp thêm được số 6, nhưng sau bị số 5 Việt Tộc đè bẹp trong Kinh Lễ (xem Nguyệt Lệnh). Nói cách khác là Giáng Long Phục Hồ, rồng xuống bắt hồ phải phục tùng, tức văn hóa Việt đã cải tổ bắt văn minh bạch hồ biến cải vâng theo, không phải chỉ một lần. Bao nhiêu cuộc xâm lăng về sau như Hồ, Kim, Tạng, Man đều bị Tàu hóa tức Việt hóa vậy!

Tóm lại cả hai Tàu và ta đều vong bản. Vì vong bản nên Tàu làm tưởng Nho là của một mình tạo ra Còn Việt vong bản tưởng Nho là trọn vẹn của Tàu, mình không tham dự chi cả. Nói rõ hơn, từ Hán Nho gọi là văn minh thì là của Tàu, còn từ Xuân Thu trở về trước gọi là văn hóa là của Việt Tộc. Mà văn hóa mới quan trọng. Nó là sơ nguyên tượng, là cơ cấu và nền tảng của Nho được hình thành ở giai đoạn văn hóa.

Xin nói lại chữ Việt ở đây không phải chỉ riêng VN. Việt là đại chúng để chỉ toàn khối thổ dân của Đông Á gồm cả Tàu, Tạng, Kim, Mông, Man. Xuống mạn Nam là Di, Man, Bàn, Khương, Nhung, v.v.. cho đến các đảo ở Thái Bình Dương. Trong đó Tàu mạnh vì chính trị nên có dịp đồ khuôn cho Nho, lâu ngày quên gốc, tưởng mình là duy nhất văn minh nên khinh dân khác.

Còn các chi khác thì VN ở vị thế đặc biệt. Nhờ đất nước là nơi giao lưu nhiều luồng văn hóa, lại xa du mục nên giữ được tinh thần nông nghiệp tinh tuyền, cũng như giữ được nhiều lâu đài văn hóa của đại tộc như trống đồng Đông Sơn, Cây Việt, Sách Ước, Gậy Thần. v. v. Vì vậy VN coi mình như người kế thừa văn hóa đại tộc ở đợt nhất, đợt văn hóa, còn Tàu là chữ Nho ở đợt văn minh.

IV. Tinh Túy Nho Giáo:

Ở trên người viết đã minh biện cái gốc của Nho đối với ta quan trọng như thế nào. Chỉ vì quên gốc, không biết tự hào, tự quý để gìn giữ nên để mất đạo, rồi mất nước, đúng câu "đạo mất trước, nước mất sau". Giới trí thức trong thời gian qua đã không chu toàn được sứ mạng giữ nhà, giữ nước, vì không biết hành diện về cái Hồn Dân Tộc. Ngày nay muốn làm gì nhất là những việc lớn như văn hóa, tư tưởng cũng phải có đủ cả ý thức hệ, tức là triết, không có minh triết thì không làm sao đứng vững trong chu trình tiến hóa của nhân loại. Đã hết rồi cái thời chỉ cần văn chương thường ngoạn là đủ, nó không xứng hợp với thời tao loạn, khủng hoảng này nữa!

Phân khác, không biết hành diện vì ta có thói quen buộc Nho vào với Tàu, hễ nói tới Nho là nghĩ đến Tàu và học theo lối cổ, học chữ nào hay chữ đó, không tinh lọc, đối chiếu nên không thấy được điều đáng hành diện.

Xin hiểu Nho là một trong hai đường lối của văn hóa: một là dĩ cương thắng nhu Lối hai là dĩ nhu thắng cương. Lối cương là lối chống đối: lý chống tình, hồn chống xác, rồi chọn một bỏ một gọi là Nhị Nguyên hay vô thần chống hữu thần, chuyên chế chống tự do Đó là thứ văn hóa một chiều.

Trái lại lối thứ hai: nhu thì thâm nhận cả hai thành ra lưỡng nhất tính mà cụ Kim Định đặt tên là Việt Nho, theo nghĩa Việt là siêu lên: không chỉ có, cũng không chỉ không, mà siêu lên ôm cả hai đầu thành ra hai mà một. Đó là cái biết chu tri toàn diện. Đó gọi là Nhọ

Để dẫn chứng thêm việc nhận nhiều về cho Việt có đủ lý chứng. Tiên nhân đã xếp đặt giống như cho vào máy điện toán ngày nay vậy. Chúng ta hãy nhìn bảng ngũ hành sẽ thấy văn hóa Việt bao gồm các số 2 - 3

- 5, nên phải có cộng $2 + 3 = 5$ này. Tiền nhân có chi tộc vẽ trán 2 vạch ngang đỏ (Hỏa), 3 gạch xanh (Mộc) và bôi mình bằng thổ hoàng (Thổ = 5).

Vấn đề này mới nghe qua thấy rất ư là lẩn thẩn. Vậy mà chính nó chỉ huy toàn thể vận mệnh con người. Nên các triết học gia đã tốn công sức với nó mà không thành đạt. Triết học Tây Âu đã đặt thành vấn đề làm sao cộng Tròn vào Vuông, làm thế nào vẽ được hình vuông không góc? Họ hí hoáy suốt 25 thế kỷ, nhưng chưa ai cộng vào được, đành phải đi một đường Tứ Tổ, duy Vuông cũng là Duy Vật nhập thể. Ấn Độ sợ quá từ chối Vuông thể sự, để ngả hẳn vào Tròn xoay duy tâm xuất thể. Còn ông cha ta cộng cả hai thành cặp Bánh Dày Bánh Chung hay câu nói cửa miệng "Mẹ Tròn Con Vuông" = Tròn ôm lấy Vuông, nên mở ra được con đường đầy hạnh phúc!

Chúng ta đã biết rằng tất cả những khổ đau của loài người, tai họa mà dân tộc ta phải gánh chịu từ cả gần trăm năm với thực dân, rồi nay với cộng sản đều xuất phát từ sự bất lực cộng lại đó. Nói nôm na là bắt ta theo triết một chiều duy tâm hay duy vật. Thế giới đã nhìn thấy cái học ngày nay (nền giáo dục) chỉ có một chiều, mất quân bình, họ đang đi tìm cái học chu tri toàn diện, mà chưa biết tìm ở đâu.

V- Nền Giáo Dục quân bình:

Giáo dục đã được nói tới nhiều, bàn nhiều đến nỗi người ta không muốn nghe, không muốn đọc nữa! Mở tờ báo, nguyệt san, phần đông độc giả tìm tin tức, những bài viết về kinh tế, khoa học... ít ai tìm đọc những bài về giáo dục. Tại sao vậy?

Vì nó vẫn vậy, chưa có gì mới hết. Tất cả các nơi từ Đông sang Tây vẫn có bộ giáo dục, có trường, có lớp, có chương trình giáo dục phổ thông, rồi cao học và đại học. Ở đâu cũng na ná như nhau, nhất là các nước Âu Mỹ. Còn các nước ở châu khác thì đang theo đuổi làm sao bắt kịp được một nền giáo dục như phương Tây. Vậy mà nền giáo dục phương Tây là nền Giáo Dục Mất Quân Bình!

Nói chung thì giáo dục trên toàn cầu có hai khuyết điểm trầm trọng:

- Một là chương trình quá nặng về bách khoa, coi nhẹ chuyên môn.
- Hai là thiếu một Chủ Đạo hướng dẫn đời sống tinh thần.

Điểm một có thể dễ điều chỉnh vì thuộc thành công và đã có một số nước thực hiện sửa chữa như Mỹ, Anh, Đức, Nga.. Riêng Pháp thì chưa!

Điểm hai trầm trọng và khó hơn vì thuộc thành nhân hay nghệ thuật sống thì chưa đâu tìm ra

Có người làm lẫn chủ đạo với tôn giáo nên nghĩ hiện tại thiếu gì tôn giáo hướng dẫn cuộc sống, khỏi cần tìm chủ đạo làm chi cho nhiều kẻ, nên giao phần đó cho các tôn giáo là tạm ổn. Nhưng, tôn giáo thuộc niềm tin, mà tin tưởng của người này khác với người kia nên không thể thống nhất. Phần khác chủ đạo là hướng dẫn người học tìm tới chân, thiện, mỹ của cuộc sống. Thiếu nó việc giáo dục lâm tình trạng vô hướng, vô hồn. Chúng ta hãy nghe Henri Adam, nhân vật uy tín của nền giáo dục Mỹ nhận xét nền giáo dục Mỹ trong cuốn giáo dục như sau: "... Tới chín phần mười chương trình là vô ích, còn một phần mười là có hại. Tất cả đều không dẫn người học đi vào sự chín chắn nào cả mà chỉ làm trượt ngã trong mọi địa hạt vì không một mối ràng buộc liên kết nào, chỉ là một đống những mảnh vụn đổ vỡ ...!"

Vì thế con người thời đại chúng ta đang cảm thấy lo âu khắc khoải như kẻ không cửa không nhà, không nơi nương tựa (Homeless). Không chỉ có kẻ không nhà mới homeless, mà cả những người có cửa cao nhà rộng cũng homeless như thường. Mọi người lâm tình trạng lạc lõng không nơi hướng về để nương tựa tinh thần!

Rồi thế giới hiện nay lại lâm tình trạng "chiến tranh khủng bố"! Do cực đoan về tôn giáo, về quyền lợi kinh tế, hay xung đột chủng tộc?

-Theo người viết phần quan trọng vẫn do nền giáo dục mà ra, mà nền tảng giáo dục là "một cơ sở tinh thần". Cơ sở tinh thần có quân bình giữa thiên thời, địa lợi, nhân hòa thì mới giúp cho người học, cho xã hội có đời sống quân bình và từ đó giúp cho nhân loại sống hòa bình.

Ngày nay đa số các nước có chương trình giáo dục thiên về địa lợi. Trong đó lấp đầy những môn quy vào sản xuất tìm lợi nhuận cho bản thân, cho cuộc sống sinh lý của con "vật" người như toán, lý hóa, vạn vật .v.v. . Còn thiên thời và nhân hòa chiếm tỷ lệ rất ít trong đó.

Nhân hòa nên hiểu theo nghĩa siêu hình cấu tạo, nghĩa là nhân hòa thuộc cơ thể, chứ không phải nghĩa hòa hợp bên ngoài. Do vậy, mấy đức tính liên hệ đến nhân luân như tình nghĩa vợ chồng, hiếu đễ với mẹ cha, trung với nước non, thuận thảo với anh em và thâm tín với bạn bè nó phải là nền móng của giáo dục. Không thể bỏ phần nào, bỏ một trong năm mối nhân luân đều hỏng toàn bộ. Nó thuộc về ngũ thường, là cách sống, cách ăn ở thường ngày, không thể ly gia y như phải ăn, phải uống thường ngày để sống vậy.

Còn luân lý trong xã hội hiện tại khác xa với nhân luân trong Nguyên Nho, vì trong Nguyên Nho đặt nền trên con người muôn thuở, không giới hạn không gian lẫn thời gian, ở đâu vào thời nào cũng vậy.

Thực ra, luân lý thường nghiệm đúng ra phải hiểu như mọi thói tục, tức tục lệ nào đó được theo lâu đời thành nếp, đến độ nhập lý rồi người ta tưởng là do Trời, do Thần, do Thánh... Ví dụ như có nơi cấm ăn thịt bò, nơi kia không ăn thịt heo, đó là tục lý, nhưng được tôn lên thành luật thiên nhiên gọi là luân lý. Giáo dục ngày nay đa phần chỉ có tục lý nên kể như thiếu yếu tố "nhân luân" nhân hòa.

Còn thiên thời chỉ tâm linh, nói cách khác là những gì không làm ra những hóa vật như thi ca, nghệ thuật. v. v. Những cái vô hình vô dạng, vô biên, vô ích lợi tức con người không dính vào lợi ích theo nghĩa siêu hữu ích, có như vậy mới đạt tới tính "vô biên", mới thực là thiên, thiên thời.

Còn nếu dùng nghệ thuật theo chiều hướng ích dụng, lợi nhuận thì đó là nghệ thuật chết. Nghệ thuật chân chính phải nâng tâm hồn lên, để đối đáp với địa lợi luôn trì kéo xuống, có vậy mới làm ra hai chiều đối nghịch đúng với nền tảng của vạn vật.

Phân tích các chương trình giáo dục ngày nay đúng là chương trình duy lợi (hay duy vật), nói theo cơ cấu ngũ hành là 4-1, không cho con người đứng thẳng, ngừng đầu nhìn Trời. Muốn đứng thẳng ngừng đầu nhìn Trời thì Đất (địa) chỉ được chiếm hai (số 2), còn ba phần (số 3) phải dành cho Trời. Còn nay giáo dục dành cho Đất, cho Địa tới 4, Trời chỉ có 1 thì chính là chỉ con vật 4 chân bò sát đất, luôn cúi gầm mặt xuống, lâu lâu mới dám ngừng đầu lên thấy một "chút xiù" Trời, không gian vũ trụ... Thảm thương thay cho thân phận con người! Thử tìm lại chương trình giáo dục ngày xưa (Thái Nho) ta thấy gồm thi, thơ, lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số. Hầu hết nghiêng về thiên thời và nhân hòa, Địa lợi chỉ chiếm 2 là xạ và ngự (bắn tên và đánh xe).

Khi nền văn minh Tây phương phát triển thì người ta quay lại lên án nặng nề chương trình trên, vì chẳng có gì về khoa học kỹ thuật nên mới lạc hậu, chậm tiến...! Nhưng hai nền giáo dục căn bản khác nhau. Một bên đào tạo con người toàn diện có thể trở thành chính nhân quân tử, nhà cai trị. Một bên đào tạo chuyên môn để điều khiển sự vật. Thí dụ: Sách Đại Học là sách dạy để làm người đại nhân quân tử, làm người biết cai trị ở thời đại hai ba ngàn năm về trước, thì việc đầu tiên là phải có cái nhìn toàn diện với lòng thái công, trống rỗng không thiên vị, không mưu lợi ích riêng tư. Muốn vậy thì không nên độc chú vào một cái gì, vấn đề nào. Nếu độc chú vào một vật, một vấn đề sẽ dễ thiên lệch hẹp hòi.

Trái lại những nhà chính trị ngày nay đã không được giáo dục để làm chính trị theo nghĩa toàn diện như an bang tế thế, nên không tháo gỡ được tham, sân, si, khi có chức có quyền là vinh thân phì gia (một người làm quan cả họ được nhờ) và củng cố quyền lực cho phe đảng mình, không nghĩ gì tới nhân dân, dân tộc nữa, một số nhỏ khác thì chỉ còn biết tựa vào lương tri, thiên phú chứ giáo dục không giúp được chi!

Muốn giáo dục nên người đại nhân và có thể là nhà cai trị tốt thì chương trình phải theo tỷ lệ 2-3 (vài ba hay tham lưỡng), tức địa lợi chỉ được coi là ngọn ngành, chỉ chiếm chưa tới 2 (nên không nói hai mà nói vài, không nói nhị mà nói lưỡng). Cái gốc rễ phải là thiên là nhân nên chiếm 3. Hay nói cách khác là phải chú ý đến tâm linh, đến nhân hòa, cái làm cho con người hòa hơn hết là không tham dục, là lòng chí công vô tư. Để đạt lòng đó phải có cái học, cái tập tôn đức tính, tập luyện tâm tình, khác xa với óc duy lý, duy lợi.

Ta hãy nghe Khổng Tử, người được người đời tôn lên hàng "Vạn Thế Sư Biểu" (người thầy muôn thế hệ) nói: Quân tử mưu đạo bất mưu thực

Canh dã nổi tại kỳ trung hĩ.

Với nghĩa quân tử lo về đạo chứ không lo về kinh tế. Chỉ lo kinh tế (Canh) thì cái đói đã nằm ngay trong đó! Câu nói ấy có nghĩa là giáo dục của ông quan niệm nhằm làm trống lòng trước hết, để đạt thái công, để cho có cái nhìn toàn diện. Chứ chỉ lo về ngành ngọn như kinh tế, thì theo ông cái đói nó nằm ngay trong đó!

Đến thời đại ngày nay khoa học đã phát triển rực rỡ, nhưng lại nghiệm thấy lời ông nói rất đúng, dù lời đã nói trên hai ngàn năm xưa cũ. Những nước theo chủ nghĩa cộng sản, lấy hạ tầng kinh tế chỉ huy thì nghèo đói thê thảm. Người ta đổ cho là tại kinh tế chỉ huy, là điều hành dốt. Nhưng điều sai chính nằm trong chế độ theo chủ nghĩa cộng sản duy vật. Chế độ xây hoàn toàn trên kinh tế tức là thiếu thiên lý, thiên thời, thiếu nhân hòa, thì dù có là thiên tài cũng bó tay. Muốn khá thì phải bỏ chủ nghĩa cộng sản duy vật, như ngày nay ta thấy VCVà Trung Cộng đã bỏ một nửa (nửa vời) theo tư bản tức chuyển sang kinh tế thị trường tức có chút nhân hòa, nên thấy khá hơn. Muốn khá hơn nữa phải đổi giáo dục, phải quân bình giáo dục.

-Quân bình giáo dục, thì phải cắt bớt những phần khoa học để nhường chỗ cho những môn thuộc thiên và nhân như đạo lý tâm linh, như những bài về chân, thiện, mỹ hoặc thi, thơ, ca, múa, lễ nhạc và không bao giờ ép người học phải học những bài về hận thù giai cấp, về đấu tranh, về chủ nghĩa này, ý hệ nọ. Lối dạy này đang đem các thế hệ mới lớn vào đập phá, chiến tranh trong hận thù, mà chiến tranh khủng bố là một điển hình. Chúng ta để ý, chỉ vì sự học đề cao khoa học (Toán, Lý, Hóa) nên dẫn tới cảnh ngày nay gần nửa số nhà khoa học lao vào làm việc cho chiến tranh! Đó chính là giáo dục đẩy con người vào trận chiến, vào cướp bóc đầy tham sân hận. Muốn dẹp những trận chiến này thì không phải chỉ mấy câu "Tục Lý" suông, mấy lời sáo ngữ ở những bài diễn văn, mà là việc của Nền Giáo Dục Quân Bình đầy đủ cả thiên, địa, nhân, cả ý, tình, chí đều được rèn luyện, học tập tự nhỏ tới lớn!

Điều quan trọng là phải dạy những môn này ở tuổi nào? Theo sự tìm hiểu mới nhất thì tuổi thơ thấm nhận những cái mới rất lạ và in vào tâm trí sâu đậm suốt đời. Vì những gì học trước 7 tuổi sẽ giữ nó trong suốt hành trình của cuộc sống. Do đó, 10 năm đầu phải dành trọn cho những môn thuộc về nhân hòa, kèm theo một sinh ngữ và một từ ngữ. Sinh ngữ để giao thiệp với nhân loại, từ ngữ để hiệp thông với người xưa, thiếu từ ngữ là thiếu đi một chiều sâu rất cần thiết trong cõi nhân hòa, bởi nhân loại không chỉ có người hiện tại, mà gồm cả muôn thế hệ xa xưa nữa. Vì vậy nền giáo dục muốn hữu hiệu phải có tam giác ngữ: tiếng mẹ đẻ, sinh ngữ, từ ngữ. Mà tam giác ngữ này con trẻ thấm nhận rất lạ. Chúng ta để ý trẻ ba bốn tuổi người Việt chơi chung với bạn đồng lứa người Mễ và một trẻ người Mỹ, trẻ Việt biết nói cả hai thứ tiếng rất nhanh.

Bởi vậy học sinh ngữ và từ ngữ nên để vào 10 năm đầu. Mười năm ấy phải dành cho thiên thời và nhân hòa: học đạo lý, học thuộc lòng những câu châm ngôn, ngôn ngữ về nhân đạo. Nếu bảo rằng chúng sẽ không hiểu, cũng chẳng sao, trưởng thành sẽ giúp chúng hiểu dần. Đó là những năm linh thiêng xin đừng nhét vào đầu trẻ bằng những môn địa lợi (duy vật).

Tuổi trên 10 bắt đầu học phổ thông và ba năm sau mới học chuyên môn và mỗi em chỉ cần một hay hai là cùng. Chương trình nên tránh bắt mọi người phải học những khoa không thích học, làm như vậy sẽ làm cùn nhụt sự bén nhạy của tâm trí, là điều rất cần cho sự thông hiểu. Vậy không nên lấy Bác Văn (biết

hiều) để làm hại Huân Linh. Việt Nho gọi là "Bác Nịch Tâm" học nhiều quá sẽ chìm chết cái tâm, làm giảm sự thông hiểu. Muốn giàu thông hiểu thì học phải có giờ cho cái học thấm sâu. Vì Hiểu là đạt được mối liên hệ ngầm giữa ba tài thiên-nhân-địa. Bất học địa lợi nhiều quá sẽ làm tâm trí bị kéo xuống thành con người duy lợi, mà bước sau là xã hội của đoàn thú tranh môi, như xã hội ngày nay chứng tỏ điều đó.

Hậu của giáo dục cho nhân loại ngày nay hết chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh rồi chiến tranh khủng bố là tại GIÁO đánh mất quân bình giữa ba yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa hay ý-tình-chí.

Nhưng thiết nghĩ đồ tất cả tội cho giáo dục thì cũng chưa đúng hẳn, mà đúng ra tại căn nguyên tự Triết vì Triết là nền của văn hóa, của giáo dục. Triết đã duy lý, đã duy vật đặc sệt hữu vi tức là mất quân bình thì giáo dục tất phải mất quân bình thôi!

Vậy trước hết là phải tìm cho ra một nền triết lý quân bình để hướng dẫn giáo dục của thế kỷ 21 đi vào quân bình.

Nền Triết ấy là An Vi ... Việt Nho vậy. Mời gọi mọi nơi ứng dụng.

Vì An vi :

An vi là gì?

Xin thưa, trong đời sống con người thường hành động từ ba nguyên do và mục đích chính: hữu vi, vô vi, an vi Khi ta thấy thế giới này là có, mọi sự mọi vật là cụ thể, mọi giá trị của đời sống có thật thì dốc lòng, dốc chí làm sao đạt được mọi tiêu chuẩn giá trị của đời sống hiện có. Học để tiến thân cho mình đó là học hữu vi Làm việc để cuộc sống thoải mái, đó là hành động hữu vi Tóm lại, hữu vi là tác động có ý thức rõ ràng về cái công của mình, về kết quả việc mình làm. Hành động có tư ý, tư lợi đó là Hữu Vi Ngược lại với hữu vi, thuyết vô vi chủ trương không chấp nhận thế giới này và các giá trị của nó. Vô vi là không làm, có nghĩa là không tham dự và can thiệp đến việc đời. Vô vi là sống trong cái ý thức từ bỏ đời sống. Nếu hữu vi cho rằng đời sống là có thực thì vô vi cho rằng không.

An Vi, nhìn thẳng vào sự thực của đời sống, để mà truy tầm ý nghĩa sống sao cho thích hợp với bản chất của con người.

Chúng ta sinh ra trong cuộc đời với những giới hạn của vật thể và những khả thể của nội tâm. Con người phải nhận chịu những yêu cầu, chi phối của xác thân ngay từ thuở lọt lòng. Nhu cầu bảo vệ sự sống, nên con người cần những nhu yếu vật chất như thực phẩm, nhà ở, những phương tiện sống, v. v. Để đạt được những nhu cầu thực tế ấy, con người phải vận dụng sự tính toán lợi hại, thiệt hơn, phải mang thân xác và lý trí ra làm việc tối đa Do đó ý thức và hành động hữu vi là một phần của nhiên tính. Người chủ trương vô vi cách mấy cũng không thể không thực hiện hữu vi như chăm lo cho bản thân, thân nhân trong cuộc sinh tồn. Vô vi là lý tưởng không thể thực hành trong đời sống thực tế. Để chống lại chủ trương duy lợi của hữu vi, người ta đề cao vô vi Nhưng, người ta không thể chối bỏ thân phận làm người, nên cũng không thể thực hiện chữ Vô trong đời sống cá nhân hữu hạn.

An Vi, đưa ra nhận thức dung hòa giữa hữu vi và vô vi Chấp nhận hữu thể giới hạn, chấp nhận phần vật thể, an vi tìm cách thực hiện một đời sống thích hợp với yêu cầu vật chất của con người. An vi tìm về chiều hướng tâm linh, để con người có đường về bản ngã siêu nhiên qua đường lối Quy Tâm.

Theo nhận thức an vi, người không chỉ duy vật hay duy linh. Người là một hòa điệu giữa những đối nghịch, Người là tiết nhịp đóng đưa giữa hữu và vô Người là an. An là không hữu, không vô mà là dung hợp hữu vô, vươn lên, bao trùm hữu và vô

Nếu âm dương là mâu thuẫn, thái cực là vòng bao bọc âm dương, thì an là thái cực viên dung. Chữ Vạn của nhà Phật tượng trưng cho hai chiều xuất nhập tương phản thì An là giao điểm của tán và tụ. Thập Tự

Nhai tượng trưng cho hàng dọc tâm linh và hàng ngang hiện tượng, thì An chính là hiệp thông của dọc ngang.

Do đó, An là thái cực hòa, là bát nhã tâm, là thiên nhân giao hội. Từ khai mở tâm thái cực, tâm bát nhã, tâm hiệp thông, tâm thức an vi hóa giải những nghịch lý trong bản chất con người. Mang mang miền thiên địa chi giao, an vi sống và làm với một tâm tư an lành, bình yên nơi chốn huyền nhiệm.

Con người an vi là người thấu triệt bản chất an, bản chất đại ngã tâm linh. Con người an vi, trong thì giác ngộ an của chân tâm, ngoài là một người sinh hoạt đời thường. Người an vi đã vững ở chân tâm, dù sống trong cách thế nào cũng chỉ là chiếu giải ánh sáng chân tâm đến cõi đời thực tế. Người an vi không đề cảnh trù tâm, không vong thân theo hoàn cảnh. Người an vi hành động vì ý nghĩa chứ không vì kết quả việc mình làm. Sự thành, bại, được, mất, hơn, thua đối với người an vi như những làn sóng trên biển đời. Lòng người an vi là đáy biển trầm lặng và an tịnh.

Trên đường thực chứng an vi, người an vi tu dưỡng nội tâm, lấy việc tu thân làm gốc rễ. Sự lân cảm với tha nhân, với xã hội chỉ là bước sinh hoạt tùy theo cơ duyên, hoàn cảnh. Do đó, triết lý An Vi cũng là triết lý của xã hội.

Chúng ta hôm nay đang bế tắc giữa tư bản và cộng sản. Thực ra chủ nghĩa tư bản hay cộng sản đều là lý thuyết về kinh tế, đặt nền trên những sinh hoạt kinh tế của con người. Giá trị con người trong cả hai xã hội ấy, đều dựa theo giá trị vật chất. Cả hai đều là những chủ thuyết vật thể hóa con người. Nói cách khác, tư bản hay cộng sản cũng chỉ là vật bản.

Triết lý An Vi trên đường tìm về chân ngã con người, đặt nền trên nhân bản, cho nên triết lý của An Vi là Nhân chủ. Con người phải làm chủ vật thể. Không thể vinh danh người nếu còn đặt cơ chế kinh tế trước giá trị con người. Con người nhân chủ sẽ giải quyết mọi vấn đề của con người, trong đó có tương quan kinh tế. Tóm lại triết lý An Vi đã có giải pháp tương dung, đạt chữ Hòa lên khắp cõi.

-An vi không tư bản, không cộng sản, mà là bình sản.

-An vi không duy vật, không duy tâm, mà là nhân bản.

-An vi không nhập thế, không xuất thế, mà là xử thế.

Do đó, người an vi là một hành giả tự do và nhân chủ theo đúng ý nghĩa sâu xa, toàn diện và chân chính của danh từ.

VII Kết Luận :

Trong 6 tiểu mục trên người viết cố gắng tóm tắt những điều mình học về đông phương với Giáo Sư kiêm Triết Gia Kim Định và qua bộ triết An Vi và Việt Nho của Người. Tuy nhiên vì là tài hèn sức mọn nên không khỏi có nhiều chủ quan sai sót kính mong quý vị thức giả, độc giả lượng tình chỉ giáo, người viết nghiêm chỉnh lắng nghe để sửa chữa cho hoàn hảo.

Sách Tham Khảo: -Triết Lý Giáo Dục -Hiến Chương Giáo Dục -Định Hướng Văn Học (Thuộc bộ Triết Lý An Vi ... Việt Nho của TG Kim Định) -Đại Học - Trung Dung (Dịch giả Đoàn Trung Còn, do Trí Đức Tòng Thư Xuất Bản 1950). -Phần An Vi, trích trong bài "Lời Thưa của Người Học Trò Cũ" của Đông Lan, đăng trong báo Xuân 2003, do An Việt Houston xuất bản.

Chiếc nón quê hương

VNNB, 16/10/04

Nguyễn Q. Đại

Nón này che nắng che mưa

Nón này để đội cho vừa đôi ta

Ca dao

Nón lá không xa lạ với chúng ta, ngày nay ở hải ngoại chỉ thấy nón lá xuất hiện trên sân khấu, trình diễn nghệ thuật múa nón và áo dài duyên dáng mềm mại kín đáo của thiếu nữ VN nổi bật bản sắc văn hoá dân tộc, áo dài và nón lá là nét đặc thù của đàn bà VN, chắc chắn không ai chối cãi. Nếu mặc áo đầm, hay quần tây mà đội nón không tạo được nét đẹp riêng. Nón dùng để che nắng mưa, có lịch sử lâu đời đã

khắc trên trống đồng Ngọc Lũ, trên thạp đồng Đào Thịnh vào khoảng 2500-3000 năm. Nón lá gần với đời sống tạo nhiều nét bình dị, đoan trang, yêu kiều, duyên dáng và thực tiễn với đời sống nông nghiệp, một nắng hai sương, trên đồng lúa, bờ tre lúc nghỉ ngơi dùng nón quạt cho mát mẽ ráo mồ hôi. Nón lá ở VN có nhiều loại khác nhau qua từng giai đoạn lịch sử:

Nón dẫu: nón có chóp nhọn của lính thú thời xa xưa

Nón gò găng hay nón ngựa: sản xuất ở Bình Định làm bằng lá dừa đội khi cỡi ngựa

Nón rom. Nón làm bằng cộng rom ép cứng

Nón quai thao: người miền Bắc thường dùng trong lễ hội

Nón cối: người miền Nam rất sợ loại nón này xuất hiện sau năm 1975.

Nón cời: nón rách

Nón gõ: Nón gõ làm bằng tre ghép cho lính hồi xưa

Nón lá sen: cũng gọi là nón liên diệp

Nón thúng: thứ nón lá tròn bầu giống cái thúng.

Nón khua: Viên đầu nón của người hầu các quan xưa

Nón chảo: thứ nón mo tròn lên như cái chảo úp nay ở Thai Lan còn dùng

Nón cạp: Nón xuân lồi đại dành cho người có tang

Nón bài thơ: ở Huế thứ nón lá trắng và mỏng có lồng hình hay một vài câu thơ v.v

Người Việt từ nông thôn cho tới thành thị đều dùng nón lá, nhưng ít người để ý nón lá có bao nhiêu vành, đường kính rộng bao nhiêu cm? Nón lá tuy giản dị rẻ tiền nhưng nghệ thuật làm nón cần phải khéo tay. Nghề chằm nón không chỉ dành riêng cho phụ nữ mà cả những người đàn ông trong gia đình cũng có thể giúp chuốt vành, lên khung nón. Với cây mác sắc, họ chuốt từng sợi tre thành 16 nan vành một cách công phu; sau đó uốn thành vòng thật tròn trịa và bóng bẩy. Người phụ nữ thì chằm nức vành. Để có được lá đẹp, họ thường chọn lá nón non vẫn giữ được màu xanh nhẹ, ủi lá nhiều lần cho phẳng và láng. Khi xây và lợp lá, người ta phải khéo léo sao cho khi chêm lá không bị chồng lên nhau nhiều lớp để nón có thể thanh và mỏng. Nghề làm nón lá thường sản xuất từ miền Bắc và miền Trung trong các làng quê sau các vụ mùa, ở các tỉnh miền Nam không thấy người ta chằm nón?

Vật liệu làm nón tuy đơn sơ nhưng khó tìm loại lá làm nón, lá mọc ở những vùng núi, sau này người ta đem giống về trồng ở vườn, có tên Du Qui Diệp là lá làm tốt thời gian vẫn xanh chưa phát triển, người ta dùng loại lá này làm cái tốt để mùa đông chống mưa gió. Một loại khác là Bồ Qui Diệp là loại mỏng và mềm hơn để làm nón lá.

Ngày nay dù đã phát triển nhưng trên những cánh đồng lúa xanh tươi ngoài Bắc, trong những trưa hè nắng gắt, người ta còn dùng lá tốt để che nắng, giống như con công đang xòe cánh.

Người ta chặt lá nón non còn búp, cành lá nón có hình nang quạt nhiều lá đơn chưa xòe ra hẳn phơi khô, cột lại thành từng bó nhỏ gánh bán cho những vùng quê có người chằm nón. Ở Quảng Nam ngày xưa vùng Bà Rén chuyên buôn bán nón lá, từ đó phân phối đến các chợ như chợ Hội An, có khu bán nón lá nhiều loại.

Lá non lúc khô có màu trắng xanh, người mua phải phơi lá vào sương đêm cho lá bớt độ giòn vì khô, mở lá từ đầu tới cuối lá, cắt bỏ phần cuối cùng, dùng lưỡi cày cũ hay một miếng gang, đặt trên nồi than lửa nóng đỏ, dùng cục vải nhỏ dẹt giống như cũ hành tây, người ta đè và kéo lá nón thẳng như một tờ giấy dài màu trắng, có nổi lên những đường gân lá nhỏ, lựa những lá đẹp để làm phần ngoài của nón. Người ta dùng cái khung hình giống như Kim Tự Tháp Ai Cập, có 6 cây sườn chính, khoảng cách giống nhau để gài 16 cái vành nón tròn lớn nhỏ khác nhau lên khung. Cái khung này phải do thợ chuyên môn làm kích thước đúng cỡ khi lợp lá và chằm nón xong, tháo nón ra dễ dàng. Nón thường chỉ 16 vành tròn làm bằng tre cật vót nhỏ đều nhau nối lại, Nón bài thơ nhẹ mỏng chỉ 2 lớp lá trong chen hình cảnh và các câu thơ, nón thường độ bền lâu hơn dày có 3 lớp phần trong lót thêm loại lá dót, (loại cây này giống cây sậy, khi trổ bông người ta lấy bông làm chổi) Chằm xong nón tháo khỏi khung, cắt lá thừa mức miệng nón và làm quai, nón rộng đường kính thường 41 cm, người ta phết phía ngoài lớp mỏng sơn dầu trong suốt nước mưa không thấm qua các lỗ kim vào bên trong.

Để có được một chiếc nón, phải trải qua 15 khâu, từ lên rừng hái lá, rồi sấy lá, mở, ủi, chọn lá, xây dẹt vành, chằm, cắt lá, nức vành, cắt chỉ...

Thời gian chưa có chỉ cước người ta dùng bẹ lá cây thuộc loại thom (hùm) tước lấy phần tơ ngâm nước vài ba ngày cho nát phần thịt của lá, dùng bàn chải, chải lấy phần tơ dùng làm chỉ để chằm nón, hay dùng chỉ đoác. Nhưng sau này phát triển người ta dùng cước nhỏ bằng nylon, chằm nón có đường nét thanh nhã hơn. Nón lá đã đi vào thi ca bình dân VN

Nón em chẳng đáng mấy đồng,

Chàng mà giật lấy ra lòng chàng tham

Nón em nón bạc quai vàng

Thì em mới dám trao chàng cầm tay

Tiếc rằng vì nón quai mây

Nên em chẳng dám trao tay chàng cầm

Nón quai thao, hay nón thúng các cô gái Bắc thời xưa chưa chồng thường dùng, ngày nay đến Hà Nội không còn thấy ai đội nón quai thao, trên đường phố cổ trầm mặc dưới bóng cây cổ thụ, thiếu nữ Hà Nội che dù màu, đội mũ lát, đội mũ tân thời, nhưng vào thăm Văn Miếu sẽ thấy trình diễn văn hoá, hát quan họ, các cô đều trang sức giống như thời xưa với chiếc nón quai thao (hình trên trong Văn Miếu).

Thuở xưa con gái sau khi lập gia đình, bốn phận làm vợ, làm mẹ, họ chỉ chú trọng đến niềm vui tận tụy làm tròn bốn phận trong gia đình, xao lãng những vẻ đẹp bề ngoài..

Chưa chồng nón thúng, quai thao

Chồng rồi, nón rách, quai nào thì quai

Chửa chồng, yếm thắm, đeo hoa

Chồng rồi, hai vú bỏ ra tẩy giành.

Túa ông tơ ngà tha thướt gió

Vàng vàng lá lưa nắng tươi xinh

Khuôn hoa e lệ trong khuôn nón

Say mắt chàng trai tiếc gửi tình

Nhưng dép cong nghiêm bước thẳng đường

Đâu ngờ tơ nón gió vương vương

Chàng về, mắt đắm sầu xa vắng

Cả một trời xuân nhạt nắng hường

(Chiếc nón quai thao, Anh Thơ)

Thân phận của những bóng hồng khi về chiều nhan sắc tàn phai

Còn duyên nón cụ quai tơ

Hết duyên nón lá quai dừa cũng xong

Dáng dấp con gái VN mềm mại, dịu dàng, nếu trên đầu nghiêng nghiêng vành nón trắng. Nụ cười, ánh mắt giấu sau vành nón ấy mới cơ hồ e ấp, rạo rực vì những băng khuâng...

Mỗi thiếu nữ đều có một cái duyên để làm say đắm người khác phái. Nhưng tựu trung, nhan sắc của các nàng cũng không ngoài những điều đã được ca dao truyền tụng, Có nàng đẹp nhờ mái tóc thề hay cắt ngắn, đôi chân mày cong vòng như vầng trăng non dưới vành nón lá:

Sao em biết anh nhìn mà nghiêng nón

Chiều mùa thu mây che có nắng đâu

Nắng sẽ làm phai mái tóc xanh màu

Sẽ làm khô làn môi em dịu ướt

Còn ta mắt anh..

Có sao đâu mà em phải cúi đầu từ khước

Nếu nghiêng nón có nghĩa là từ khước Thì mười ngón tay em sao bỗng quẩn quít đan nhau

Nửa vàng má em bỗng thắm sắc hồng đào

Đôi chân bước..anh nghe chừng sai nhịp.

Thu Nhất Phương

Ở Huế, có nhiều vùng chằm nón nổi tiếng từ xa xưa cho đến bây giờ như: Phú Hồ, Phước Vĩnh, Dạ Lê, Triều Sơn, Nam Phổ, Kim Long, Dương Nỗ, Tân Mỹ, Hương Sơ, Mỹ Lam, làng Chuồn, bên dòng sông Như Ý, thuộc xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế làm nón bài thơ dáng thanh mảnh, độ mỏng, màu nón nhã nhặn người ta còn cất những bức tranh với chùa Linh Mục, cầu Trường Tiền, con đò trên sông Hương... và đặc biệt nhất là vài câu thơ chất chứa tâm hồn xứ Huế

Sông Hương lắm chuyến đò ngang

Chờ anh em nhé, đừng sang một mình

Ca dao

Sao anh không về thăm quê em

Ngắm em chằm nón buổi đầu tiên

Bàn tay xây lá, tay xuyên nón

Mười sáu vành, mười sáu trăng lên

Nguyễn Khoa Điềm

Tà áo dài trong trắng nhẹ nhàng bay

Nón bài thơ e lệ nép trong tay

Bích Lan

Những chiếc nón bài thơ thường trở thành vật "trang sức" của biết bao thiếu nữ, lựa nón, lựa quai, cũng là một thú vui nên không ít người đã kỳ công đến tận nơi làm nón để đặt cho riêng mình với dòng thơ yêu thích. Buổi tan trường, các con đường bên sông Hương như dịu lại trong nắng hè oi ả bởi những dáng mảnh mai với áo dài trắng, nón trắng và tóc thề.

Dòng nước sông Hương chảy lặng lẽ

Ngàn thông núi Ngự đứng như mơ

Gió cầu vương áo nàng tôn nữ

Quai lỏng nghiêng vành chiếc nón thơ

Nón bài thơ hiện hữu trên khắp nẻo đường và trở nên gần gũi, thân quen trong cuộc sống thường nhật của phụ nữ Huế, dùng nón lá nâng hay đựng xoài, cũng tạo nên nét đẹp mỹ miều

Anh về Bình Định ba ngày

Dặn mua chiếc nón lá dày không mua

Nón bài thơ đặc sản Huế, nón Gò Găng ở Bình Định còn gọi là nón ngựa làm bằng vành tre cật, chuốt nhỏ như tăm, đan thành ba lớp mê sườn; bên ngoài phủ lớp lá kè non, chằm bằng những đường chỉ tàu trắng muốt và đều đặn. Trên đỉnh chóp được gắn chụp bạc hoặc đôi mồi có chạm trổ long-lân-qui-phụng. Quai nón được làm bằng lụa xanh hoặc đỏ, bản rộng và đều người ta chằm một chiếc nón ngựa phải mất cả tháng trời dày công nhọc sức. Vì vậy giá thành rất đắt, nó chỉ dành cho những người cao sang quyền quý, những chức sắc quan lại của triều đình. Dần dần theo nhu cầu của giới bình dân, nón ngựa được cải biên thành ngựa đơn rồi nón buôn, nón chũm, rẻ hơn nhiều. Các loại này đều không có chụp bạc, nó được thay bằng những tua ngũ sắc ở chóp nón cho đẹp. Ở các vùng làm nón, ngày cưới, nhà giàu rước dâu bằng kiệu, chàng rể thì đội nón đi ngựa; còn những nhà nghèo cũng rán sắm đôi nón ngựa cho cô dâu chú rể đội đi trong ngày cưới. Vậy nên có câu ca dao:

Cưới nàng đôi nón Gò Găng

Xấp lãnh An Thái, một khăn trầu nguồn

Ngày nay các cô gái làm nón hầu như không còn giữ được phương pháp làm nón ngựa nữa. Họ quen với công đoạn nhanh, giản tiện và dễ tiêu thụ của chiếc nón trắng mảnh mai - một sản phẩm của quá trình cải cách lâu dài. Để làm loại nón này phải qua nhiều công đoạn. Ván sườn, lợp lá, chèn lá, chằm và nức. Việc làm lá đòi hỏi nhiều tính tỉ mỉ và kinh nghiệm lâu năm Nghề nón là thuộc thị trấn Gò Găng, Nhơn Thành - An Nhơn. Nơi đây có một chợ nón lớn họp thường ngày từ 3-4 giờ sáng. Cứ hết một đợt làm được 25-30 chiếc thì bà con các vùng phụ cận lại mang nón đến bán và mua sắm vật liệu cho đợt sau. mỗi tháng Gò Găng có thể cung cấp cho cả nước 50.000 chiếc nón. Gần đây nón Gò Găng còn được xuất khẩu sang các nước láng giềng như Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia dưới dạng cải biên cho hợp với xứ người. Như vậy, từ vùng núi cao nguyên mưa nguồn gió dữ cho đến các miệt vườn miền Nam

Nhớ nón Gò Găng

Vàng trắng đập đá

Sông dài sóng cả

Người quân tử,

Khăn điều vắt vai..

Đời sống văn minh, phát triển nhưng nón lá Việt nam vẫn thuần túy nguyên hình của nó ở bất cứ nơi đâu, từ rừng sâu hẻo lánh, trên đồng ruộng mênh mông, dọc theo sông dài biển cả, đều thấy chiếc nón lá ngàn đời không đổi thay.